



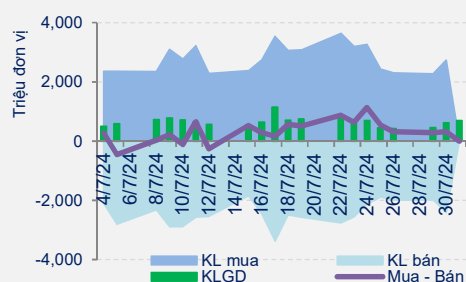
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/7/2024

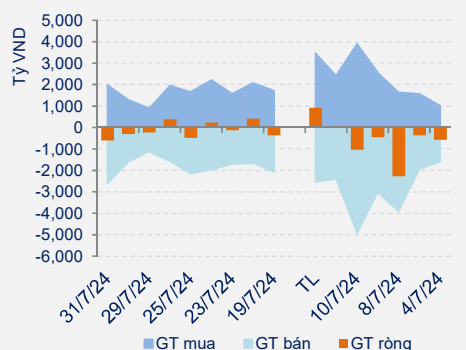
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,251.51	235.36
% Thay đổi	↑ 0.52%	↓ -0.22%
KLGD (CP)	689,591,941	52,940,807
GTGD (tỷ đồng)	17,527.64	1,081.70
Tổng cung (CP)	-	87,230,100
Tổng cầu (CP)	-	68,865,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	77,445,443	2,001,200
KL mua (CP)	47,701,207	1,170,300
GT mua (tỷ đồng)	1,978.10	40.37
GT bán (tỷ đồng)	2,590.07	68.20
GT ròng (tỷ đồng)	(611.96)	(27.83)

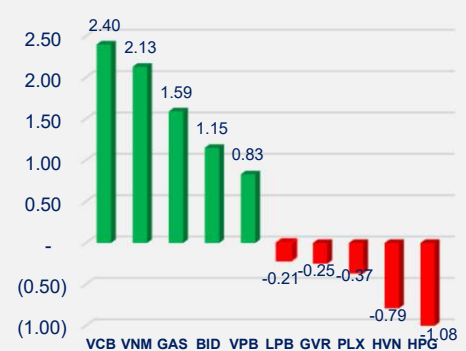
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sáng 31-7, tại thủ đô New Delhi, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã làm việc với lãnh đạo các tập đoàn hàng đầu Ấn Độ trong các lĩnh vực hạ tầng, công nghệ được, kêu gọi đầu tư các dự án lớn, công nghệ cao, có tính chất lan tỏa tại Việt Nam. Thủ tướng đề nghị ông Gautam Adani, Chủ tịch Tập đoàn Adani đầu tư về vốn và đưa vào Việt Nam công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Trở lại với thị trường, sau phiên giao dịch giảm điểm hôm qua, thị trường mở cửa phiên sáng nay trong sắc xanh và đầu phiên chiều cũng là lúc VN-INDEX tăng cao nhất 1.255,03 điểm, tuy áp lực chốt lời hàng bắt đáy gia tăng nhưng kết phiên VN-INDEX vẫn tăng +6,45 điểm (+0,52%) lên mốc 1.251,51 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 235,36 điểm (-0,51 điểm, tương ứng -0,22%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 181 cổ phiếu giảm giá, 135 cổ phiếu tăng giá, 50 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX cân bằng hơn khi giao dịch với 81 cổ phiếu giảm giá, 80 cổ phiếu tăng giá và 57 cổ phiếu tham chiếu.

Thanh khoản trên cả 2 sàn có sự phân hóa rõ rệt so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +13,8% tại HOSE và -17,2% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục đà bán ròng với -611,9 tỷ đồng tại HOSE tập trung mạnh tại mã VIC (-906,266 tỷ), bên cạnh đó là HSG (-57,7 tỷ), CTG (-57,6 tỷ) và TCB (-43,6 tỷ)... ở chiều ngược lại mua ròng mạnh VNM (+369,9 tỷ), MWG (+100,5 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -27,8 tỷ đồng, tập trung tại các mã PVS (-9,3 tỷ), IDC (-6,5 tỷ) và MBS (-3,9 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với CEO (+2,2 tỷ), PLC (+1,6 tỷ), TNG (+1,5 tỷ)...

Nhóm ngành tích cực nhất góp phần cho sắc xanh của thị trường hôm nay là Thực Phẩm và Đồ Uống, tiêu biểu với cổ phiếu trụ VNM (+5,76%) sau khi công bố đạt doanh thu kỷ lục trong quý II/2024, lợi nhuận hợp nhất tăng trưởng hơn 20% và cổ đông lớn nước ngoài đăng ký mua trên 20 triệu cổ phiếu. Đi kèm với đà tăng giá mạnh là giao dịch đột biến khi khối lượng khớp lệnh của VNM đạt mức kỷ lục hơn 21 triệu cổ phiếu, tương đương gần 1.500 tỷ đồng. Một số cổ phiếu khác trong ngành tuy vậy tăng khá khiêm tốn như SAB (+1,09%), QNS (+0,21%)...

Ngành Ngân Hàng tác động tích cực lên điểm số, tiêu biểu như VPB (+2,43%), TCB (+1,31%), HDB (+3,95%), VCB (+1,94%), BID (+1,71%)... Nhóm Dầu Khí có một phiên giao dịch ấn tượng với BSR (+5,2%) cùng thông tin đã xóa nợ 1.127 tỷ quá hạn của BSR BF qua đó đủ điều kiện chuyển lên sàn HOSE, PVD (+1,09%), PVC (+0,73%), TOS (+2,88%)... nhóm cổ phiếu Bán Lẻ tăng giá với MWG (+1,27%), FRT (+2,07%)...

Nhóm cổ phiếu Thép với thông tin Thép HRC Việt Nam trước nguy cơ bị Ủy ban châu Âu điều tra chống bán phá giá đã có những phản ứng kém tích cực với HPG (-2,5%), HSG (-4,8%), NKG (-3,8%), VGS (-6%), đặc biệt TLH giảm kịch biên độ (-6,95%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã phân hóa như ngành Bất Động Sản với NVL (+3,95%), DIG (+0,62%), tuy nhiên TCH (-1,63%), HDG giảm điểm phiên thứ 3 liên tiếp (-0,9%)... Nhóm ngành Viễn Thông kém tích cực với VGI (-3,84%), FOX (-1,65%), TTN (-3,27%), MFS (-3,7%)... Đa số cổ phiếu ngành Du Lịch và Giải Trí có một phiên giao dịch trong sắc đỏ, cụ thể là VTR (-2,88%), DSN (-1,42%), SKG (-0,42%) và đặc biệt HVN sau khi tăng trần phiên ngày thứ 2 đã quay lại giảm kịch biên độ (-6,8%) ...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2408 tăng tích cực +11,9 điểm (+5,21%), đóng cửa tại 1.304,3 điểm. Chênh lệch +5,21 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2409 VN30F2412 VN30F2503 chênh lệch từ -1,29 điểm đến +3,71 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch cải thiện +17,2% so với phiên trước, tương đương với mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2408 vẫn dao động trong biên 1.280 - 1.320 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 59.320 ít hơn so với phiên gần nhất là 60.637 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX đã trải qua tháng 07/2024 với nhiều biến động mạnh khi 02 tuần đầu tiên tăng điểm từ vùng 1.240 điểm lên vùng giá 1.300 điểm, sau đó chịu áp lực điều chỉnh mạnh trong 02 tuần sau đó về vùng hỗ trợ quanh 1.220 điểm mới phục hồi trở lại trong những phiên cuối tháng. Qua đó VN-INDEX kết thúc tháng 07/2024 vẫn tăng nhẹ 0,50% so với tháng 6 lên mức 1.251,51 điểm, duy trì trong vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm tương ứng giá cao nhất năm 2023. VN30 tích cực hơn tăng 1,62% lên mức 1.299,09 điểm, trên vùng giá cao nhất năm 2023, 1260 điểm -1270 điểm và dưới vùng kháng cự mạnh, tâm lý 1.300 điểm - 1.307 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 3/2024. Mặc dù VN-INDEX biến động hẹp trong tháng 7, tháng chờ các thông tin kết quả kinh doanh quý II, nhưng thị trường phân hóa mạnh kém tích cực, đa số chịu áp lực điều chỉnh mạnh, phục hồi kém, trong khi chỉ duy trì số ít mã tích lũy tốt, tăng giá.

Ngắn hạn xu hướng của VN-INDEX vẫn kém tích cực khi không giữ được đường xu hướng hỗ trợ tăng trưởng ngắn trung hạn. VN-INDEX đang trong vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023 và trong xu hướng phục hồi kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023, cũng như đường xu hướng ngắn trung hạn nối các vùng giá thấp nhất tháng 11/2023, 04/2024 và 07/2024 kéo dài hiện nay. Trong trường hợp tích cực, VN-INDEX cần vượt lên vùng kháng cự quanh 1.255 điểm, giá cao nhất năm 2023 và cũng là đường giá trung bình 120 phiên hiện nay để cải thiện xu hướng ngắn và trung hạn.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX tích lũy kém tích cực, khi không giữ được đường xu hướng giá kéo dài từ tháng 11/2023 đến nay, cũng như vùng giá cân bằng 1.245 điểm - 1.255 điểm của kênh giá 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm - 1.320 điểm. Qua đó VN-INDEX chuyển sang tích lũy trong vùng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.245 điểm - 1.255 điểm, với 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.245 điểm - 1.255 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023. Nếu VN-INDEX có thể vượt lên lại kháng cự quanh 1.255 điểm thì vẫn kỳ vọng xu hướng trung hạn quay trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn, mùa báo cáo kết quả kinh doanh quý II và 06 tháng đầu năm 2024 đã kết thúc. Nhà đầu tư đã có cơ sở đánh giá triển vọng tăng trưởng, mức định giá tương đối của doanh nghiệp. Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, mức trung bình và xem xét cơ cấu giảm tỉ trọng các mã có kết quả kinh doanh quý II/2024 không như kỳ vọng, phạm mức dừng lỗ nếu có, để cơ cấu sang các doanh nghiệp đầu ngành, cơ bản tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, vượt kỳ vọng. Đối với các vị thế giải ngân mới có thể xem xét giải ngân ở mức giá hợp lý đối với các doanh nghiệp đầu ngành, cơ bản tốt, dựa trên kết quả tăng trưởng quý II và kỳ vọng tăng trưởng tốt trong cuối năm. Với chỉ số VN-INDEX nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ thoát khỏi xu hướng tích lũy ngắn trung hạn kéo dài hiện nay, trước khi có các quyết định mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PLX	45.9	41-42	54-55	38	17.9	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
LHG	40.45	36.5-37	44-45	35	10.5	142.7%	178.7%	Theo dõi giải ngân
BWE	42.55	39-41	48-50	38	13.2	16.3%	27.3%	Theo dõi giải ngân
DRC	34.9	31-33	38-39	30	13.9	17.4%	52.2%	Theo dõi giải ngân
FPT	128.6	115-120	137-140	110	26.3	22.1%	24.2%	Theo dõi giải ngân
HDG	28.05	26.5-27.5	31-32	24	15.0	-11.3%	-26.9%	Theo dõi giải ngân
PVD	27.7	26-27	30-31	24	23.1	43.1%	139.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	24.40	23	26.5-27.5	24	6.1%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	15.78	16.8	26-28	15.5	-6.1%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	35.30	35.2	40-41	33.5	0.3%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	13.45	12.8	14.4-14.8	13	5.1%	Nắm giữ
24/7/2024	CNG	37.75	34.3	40-42	36.5	10.1%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

Chuyên gia CBRE: từ nay đến năm 2026, giá chung cư sẽ tăng trưởng ở mức trên 20%/năm

Trong tọa đàm "Tiêu điểm đầu tư bất động sản trong bối cảnh mới" diễn ra chiều 30/7, bà Nguyễn Hoài An, Giám đốc cao cấp CBRE Việt Nam cho biết, dự báo nguồn cung bất động sản chung cư và bất động sản gắn liền với đất tại Hà Nội vẫn tiếp tục gia tăng và được cải thiện từ nay đến 2026.

"Về mức giá, dự báo cả thị trường sơ cấp và thứ cấp chung cư Hà Nội tiếp tục đi lên. Mức tăng trưởng giá này là khoảng trên 20%/năm - một con số chưa từng được ghi nhận từ trước tới nay", bà Hoài An nói và cho hay, từ năm 2026, mức tăng trưởng này có thể ổn định khi đã tạo mặt bằng giá mới. Trong khi đó, TP.HCM ghi nhận tăng trưởng giá ổn định 5-6%/năm.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về nguồn gốc nguyên liệu sản xuất vàng trang sức

Trong vai trò là cơ quan quản lý được giao nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ (Giấy chứng nhận) cho doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP. Hồ Chí Minh vừa có văn bản số 2528/HCM-QLNHV ngày 29/07/2024 gửi các doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn Thành phố để quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

Theo ông Nguyễn Đức Lệnh, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, các doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ cần chấp hành nghiêm những quy định như: Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ; Tuân thủ trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ và được quy định tại Điều 6 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Thép HRC Việt Nam nguy cơ bị Ủy ban châu Âu điều tra chống bán phá giá

Việt Nam vừa khởi xướng điều tra chống bán phá giá thép cán nóng HRC Trung Quốc, Ủy ban châu Âu (EC) đã "soi" thép HRC có xuất xứ từ Việt Nam. Đây là diễn biến bất ngờ trong ngành thép, nhiều doanh nghiệp gặp khó khi tứ bề khó khăn đang diễn ra cùng thời điểm. Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương thông tin ngày 30-7, cơ quan này nhận được thông tin về việc EC đã nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nóng không hợp kim hoặc hợp kim nhập khẩu từ Việt Nam. Phía EC yêu cầu cung cấp danh sách đầy đủ về địa chỉ, người liên hệ, email của nhà xuất khẩu thép trong đơn khiếu nại, chậm nhất ngày 5-8-2024.

Thúc đẩy hợp tác mua bán than giữa Việt Nam và Lào

Kiến nghị giải pháp trong ngắn hạn, lãnh đạo Vụ Dầu khí và Than đề xuất: Phía Lào xem xét giảm giá bán than để gia tăng tính cạnh tranh với loại than mà Việt Nam đang nhập khẩu từ các quốc gia khác; nghiên cứu đầu tư nâng cấp và mở rộng các tuyến đường để cải thiện tình trạng giao thông, nâng cao năng lực vận chuyển... Về dài hạn, đề xuất phía Lào có chính sách hỗ trợ việc xuất khẩu than sang Việt Nam; đồng thời đề nghị các đơn vị ngành Than chủ động nghiên cứu và sớm thúc đẩy việc đầu tư thăm dò, khai thác than tại Lào để phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển phân ngành Than trong Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

TIN DOANH NGHIỆP

Vinamilk (VNM) đạt doanh thu kỷ lục trong quý II/2024, lợi nhuận hợp nhất tăng trưởng hơn 20%

Tổng doanh thu hợp nhất quý II/2024 của Vinamilk đạt 16.665 tỷ đồng, vượt đỉnh 16.194 tỷ đồng của quý III/2021 để trở thành quý có doanh thu cao nhất. Đây cũng là quý có mức tăng trưởng cao nhất của doanh nghiệp tính từ đầu năm 2022 với mức tăng 9,5% so với cùng kỳ. Kết quả này được hỗ trợ bởi cả hoạt động kinh doanh trong nước và nước ngoài với mức tăng trưởng tăng lần lượt 5,8% và 29,9% so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, tổng doanh thu hợp nhất đạt 30.790 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ và hoàn thành 48,7% kế hoạch năm.

Xét về cơ cấu nguồn thu, thị trường nước ngoài đóng góp tới 18,5% doanh thu hợp nhất quý II/2024. Trong đó, doanh thu thuần xuất khẩu đạt 1.740 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ và cao hơn mức tăng 5,9% trong quý I/2024.

BSR đã xóa nợ 1.127 tỷ quá hạn của BSR BF, đủ điều kiện lên HOSE

Ngoài ra, ngày 27/5/2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với CTCP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung (BSR-BF). Vì vậy trên BCTC quý 2/2024, BSR điều chỉnh khoản đầu tư vào BSR-BF từ khoản đầu tư vào công ty con thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Do đó, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng vọt từ 11 tỷ của cùng kỳ lên 217 tỷ đồng, trong khi đó phải dự phòng tới 207 tỷ đồng. BSR đã thành công trong việc xóa khoản nợ quá hạn của BSR BF (1.127 tỷ đồng) trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty, từ đó tin rằng công ty sẽ đủ điều kiện niêm yết trên HOSE sau khi nộp hồ sơ trong tháng 8. Ngoài ra, BSR cũng kỳ vọng nhận được sự chấp thuận từ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước để tăng vốn thêm khoảng 61% thông qua cổ tức cổ phiếu.

GMD: Không còn nguồn thu đột biến, GMD báo lãi quý 2/2024 sụt giảm mạnh

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, Gemadept đạt doanh thu thuần 2.187 tỷ, tăng trưởng 21% so với cùng kỳ năm trước. Lãi gộp 6 tháng tăng 11% lên 983 tỷ. Khấu trừ các chi phí khác, GMD lãi trước thuế 1.219 tỷ đồng, giảm phân nửa so với khoản lãi đột biến trong cùng kỳ năm trước. Lãi ròng đạt 863 tỷ đồng. Năm 2024, Gemadept đặt kế hoạch doanh thu kỷ lục 4.000 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thậm chí còn giảm 46% còn 1.686 tỷ đồng. Với kết quả đạt được sau 2 quý đầu năm, "gã khổng lồ" ngành cảng biển đã thực hiện được 72% mục tiêu lợi nhuận năm đặt ra.

YEG: Đặt cược vào gameshow Anh trai vượt ngàn chông gai, lợi nhuận trước thuế quý 2/2024 của Yeah1 gấp 10 lần cùng kỳ

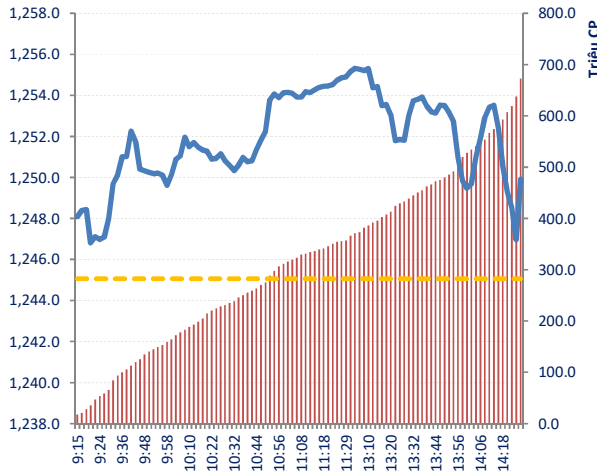
Khấu trừ các chi phí, Yeah1 thu về gần 13 tỷ lợi nhuận trước thuế, gấp 10 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Lãi ròng cũng tăng 62% từ 5,8 tỷ (quý 2/2023) lên 9,4 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Yeah1 ghi nhận gần 281 tỷ doanh thu - gấp 2 lần và 27 tỷ lợi nhuận ròng - tăng 170% so với cùng kỳ. Theo giải trình, doanh thu tăng mạnh chủ yếu đến từ mảng hoạt động quảng cáo và tư vấn truyền thông tăng 136%. Đây cũng chính là đóng góp của các show đang "hot" hiện nay mà Yeah1 đẩy mạnh như Chị đẹp đạp gió rẽ sóng và Anh trai vượt ngàn chông gai.

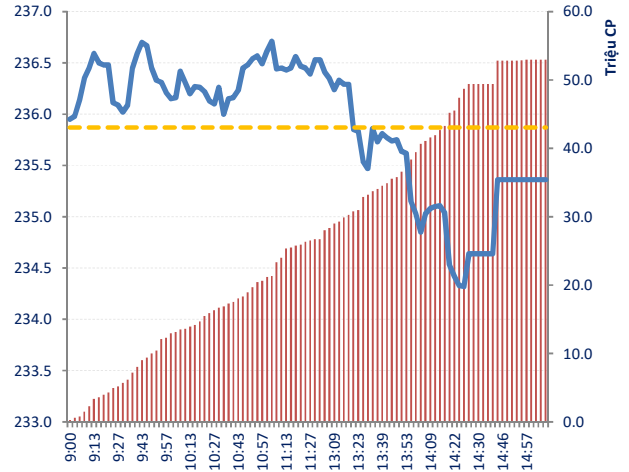


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

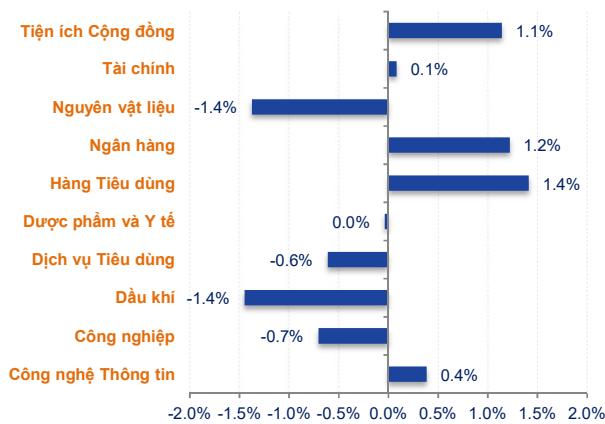
KLGD và VN-Index trong phiên



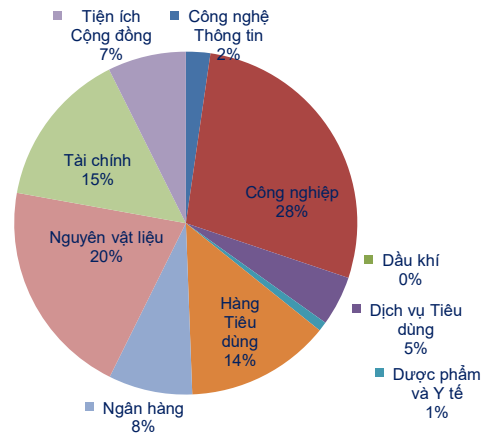
KLGD và HNX-Index trong phiên



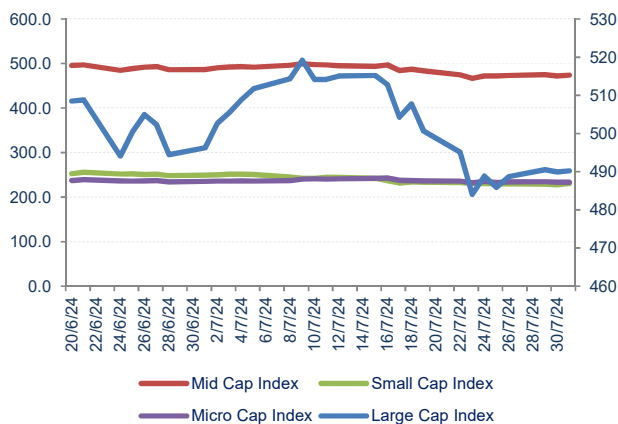
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



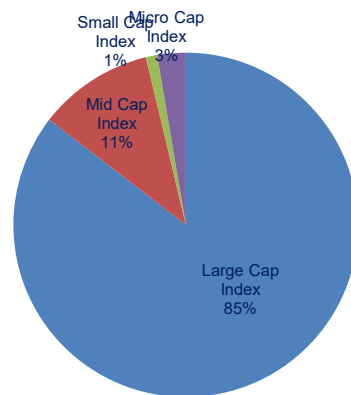
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	5,249,207	VIC	21,423,376
2	VPB	2,673,100	HBC	5,262,371
3	MWG	1,574,424	HSG	2,559,600
4	BCG	1,440,300	TCB	1,883,966
5	HDB	1,383,358	CTG	1,801,040

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	144,700	PVS	227,200
2	PLC	60,300	MBS	126,500
3	TNG	58,700	LAS	120,200
4	TVC	44,700	IDC	115,900
5	IVS	21,800	TIG	87,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VPB	18.55	19.00	↑	2.43%	38,633,414
VIX	13.20	11.25	↓	-14.77%	31,284,100
HSG	22.90	21.80	↓	-4.80%	27,871,700
HPG	27.90	27.20	↓	-2.51%	24,578,900
VIC	42.20	42.30	↑	0.24%	24,344,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHS	16.40	16.20	↓	-1.22%	6,022,964
CEO	15.10	15.40	↑	1.99%	3,891,158
MBS	30.40	30.40	⇒	0.00%	2,891,069
DL1	4.90	5.00	↑	2.04%	2,814,650
GKM	38.00	37.50	↓	-1.32%	2,718,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNG	8.45	9.04	0.59	↑ 6.98%
BMC	18.00	19.25	1.25	↑ 6.94%
CRC	6.49	6.94	0.45	↑ 6.93%
ST8	7.56	8.08	0.52	↑ 6.88%
DLG	1.62	1.73	0.11	↑ 6.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC6	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
PHN	69.00	75.80	6.80	↑ 9.86%
KSV	39.60	43.50	3.90	↑ 9.85%
GLT	32.60	35.80	3.20	↑ 9.82%
NFC	16.50	18.10	1.60	↑ 9.70%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIX	13.20	11.25	-1.95	↓ -14.77%
TCO	14.30	13.30	-1.00	↓ -6.99%
TLH	7.34	6.83	-0.51	↓ -6.95%
SVC	28.90	26.90	-2.00	↓ -6.92%
TMT	10.25	9.54	-0.71	↓ -6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	13.90	12.60	-1.30	↓ -9.35%
MEL	6.90	6.30	-0.60	↓ -8.70%
HMH	13.90	12.70	-1.20	↓ -8.63%
VHL	11.90	10.90	-1.00	↓ -8.40%
CTB	22.50	20.70	-1.80	↓ -8.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	38,633,414	8.9%	1,525	12.2	1.0
VIX	31,284,100	7.6%	1,010	13.1	1.0
HSG	27,871,700	10.3%	1,844	12.4	1.3
HPG	24,578,900	9.2%	1,455	19.2	1.5
VIC	24,344,800	2.4%	956	44.2	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	6,022,964	5.7%	688	23.8	1.2
CEO	3,891,158	2.8%	365	41.4	1.2
MBS	2,891,069	14.4%	1,687	18.0	2.5
DL1	2,814,650	3.3%	434	11.3	0.4
GKM	2,718,600	18.6%	2,143	17.7	3.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNG	↑ 7.0%	-3.2%	(364)	-	0.8
BMC	↑ 6.9%	11.8%	2,145	8.4	1.0
CRC	↑ 6.9%	7.4%	639	10.2	0.5
ST8	↑ 6.9%	1.4%	144	52.4	0.7
DLG	↑ 6.8%	-9.7%	(311)	-	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC6	↑ 10.0%	19.7%	2,914	6.9	1.2
PHN	↑ 9.9%	42.3%	8,958	7.7	3.5
KSV	↑ 9.8%	4.1%	591	67.0	2.6
GLT	↑ 9.8%	2.8%	479	68.1	2.0
NFC	↑ 9.7%	17.5%	2,264	7.3	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	5,249,207	26.0%	4,410	15.4	3.9
VPB	2,673,100	8.9%	1,525	12.2	1.0
MWG	1,574,424	4.4%	717	87.9	3.5
BCG	1,440,300	0.5%	133	57.5	0.2
HDB	1,383,358	25.1%	4,158	6.1	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	144,700	2.8%	365	41.4	1.2
PLC	60,300	6.9%	1,112	23.7	1.6
TNG	58,700	13.9%	2,074	12.5	1.8
TVC	44,700	17.1%	2,612	4.1	0.7
IVS	21,800	2.9%	312	34.0	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	489,045	20.0%	5,838	15.0	2.8
BID	266,780	18.1%	4,006	11.7	2.0
FPT	186,937	23.2%	4,889	26.2	5.7
HPG	178,455	9.2%	1,455	19.2	1.5
GAS	177,308	16.4%	4,688	16.5	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,453	6.8%	1,931	21.1	1.4
IDC	19,437	30.1%	5,573	10.6	3.2
HUT	14,905	0.7%	97	171.7	1.3
THD	13,629	3.0%	450	78.7	3.2
SHS	13,336	5.7%	688	23.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.82	-9.6%	(1,295)	-	0.4
CCL	2.80	8.5%	993	9.7	0.8
CSV	2.75	14.4%	1,919	20.3	2.8
GVR	2.72	5.1%	704	47.2	2.4
FTS	2.64	14.8%	1,838	20.2	2.9

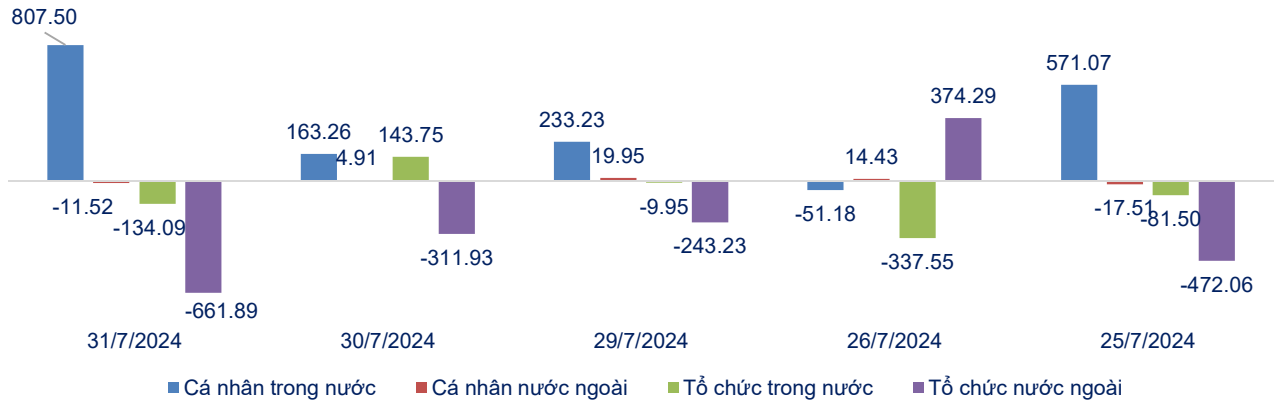
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.44	8.7%	1,149	19.8	1.8
API	4.16	-6.9%	(772)	-	0.7
CMS	3.57	1.0%	132	132.7	1.6
IDJ	3.40	5.0%	584	11.1	0.5
MCO	3.23	0.7%	86	196.9	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	970.71	2.4%	956	44.2	1.0
HSG	60.52	10.3%	1,844	12.4	1.3
TCB	57.24	16.0%	3,048	7.5	1.2
CTG	49.48	16.2%	3,751	8.5	1.3
HPG	46.13	9.2%	1,455	19.2	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-227.67	26.0%	4,410	15.4	3.9
MWG	-98.15	4.4%	717	87.9	3.5
FPT	-44.80	23.2%	4,889	26.2	5.7
REE	-43.22	8.6%	3,806	18.5	1.6
GMD	-36.88	26.2%	8,439	9.4	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2.51	16.2%	3,751	8.5	1.3
SHB	1.93	15.6%	2,146	5.2	0.8
DIG	1.46	1.2%	152	160.2	1.9
VRE	1.46	11.7%	1,975	9.5	1.1
BID	1.43	18.1%	4,006	11.7	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-11.89	26.0%	4,410	15.4	3.9
VCI	-2.95	9.8%	1,780	25.0	2.2
HDB	-2.59	25.1%	4,158	6.1	1.4
HPG	-2.23	9.2%	1,455	19.2	1.5
HSG	-1.56	10.3%	1,844	12.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
REE	43.35	8.6%	3,806	18.5	1.6
VIX	38.30	7.6%	1,010	13.1	1.0
GEX	36.59	4.9%	1,246	18.3	0.9
VIB	34.28	20.5%	3,039	6.8	1.4
MSB	26.88	14.9%	2,310	6.3	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-142.22	26.0%	4,410	15.4	3.9
FPT	-41.23	23.2%	4,889	26.2	5.7
VPB	-39.81	8.9%	1,525	12.2	1.0
TLG	-32.84	16.6%	4,433	12.0	1.9
VGC	-28.27	8.2%	1,776	26.6	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	381.79	26.0%	4,410	15.4	3.9
MWG	100.78	4.4%	717	87.9	3.5
FPT	85.31	23.2%	4,889	26.2	5.7
VPB	50.00	8.9%	1,525	12.2	1.0
HDB	38.88	25.1%	4,158	6.1	1.4

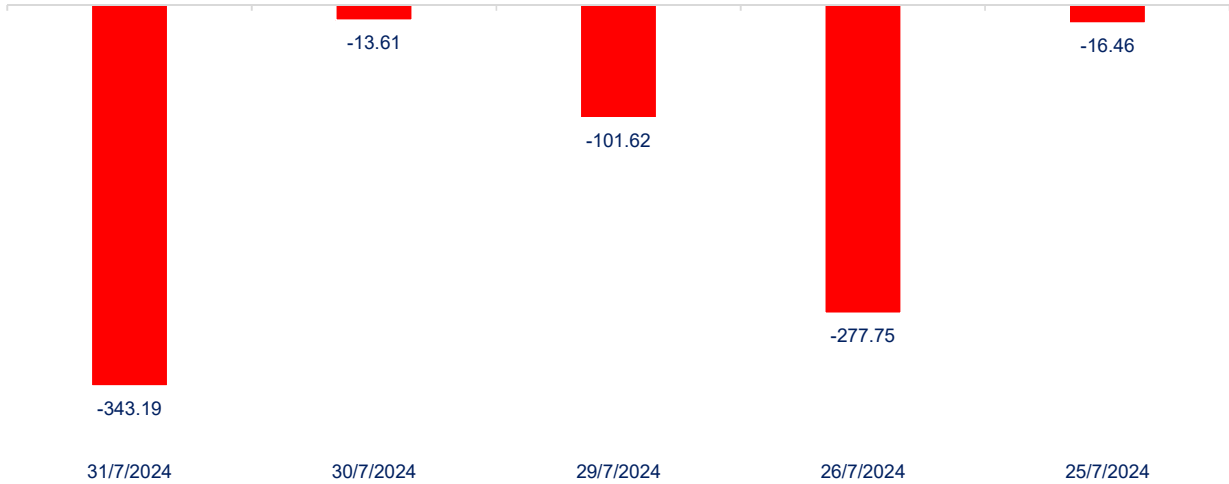
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-967.83	2.4%	956	44.2	1.0
CTG	-60.19	16.2%	3,751	8.5	1.3
HSG	-56.14	10.3%	1,844	12.4	1.3
TCB	-42.25	16.0%	3,048	7.5	1.2
HVN	-33.74	0.0%	(642)	-	-

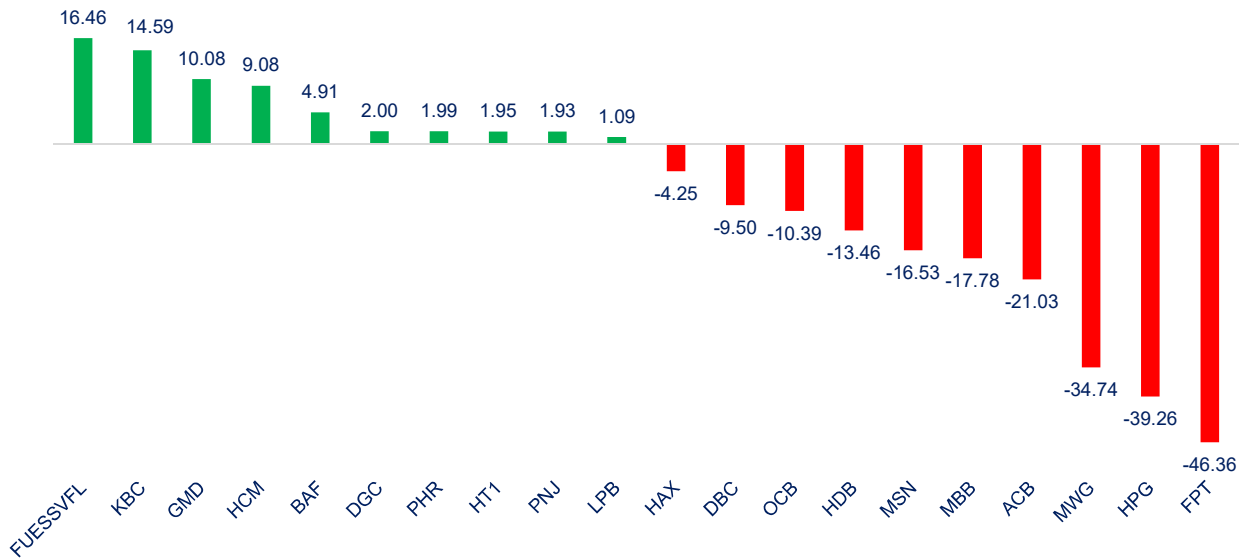


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
